

Bản án số 818/2023/HS-PT

Ngày 23-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: ông Phạm Đình Khánh;

ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Hải Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 752/2023/TLHS-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Mai Văn S và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án số 233/2023/HS-ST ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Mai Văn S sinh năm 1977, tại Nam Định; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xóm 6, đội 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Mai Công X (đã chết) và bà Phạm Thị P; có vợ là Đặng Hoài T và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16-10-2021; có mặt.

Về nhân thân:

- Ngày 16/6/1995, bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 09/6/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 18/7/2002, bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 28/7/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 03 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình

phạt chung là 13 năm tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2015, đã thi hành án dân sự và xóa án tích).

2. Đặng Đình M sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn U, xã L, huyện C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Đình P và bà Đặng Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 26-10-2022; có mặt.

Về nhân thân:

- Ngày 13/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đặng Đình M về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 121 Bộ luật hình sự năm 1999 (do bị hại rút yêu cầu).

- Ngày 14/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

3. Cao Văn L sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Cao Văn T và bà Cao Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/10/2021; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ Bào chữa cho bị cáo Mai Văn S: Luật sư Nguyễn Văn L - Công ty luật TNHH H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Bào chữa cho các bị cáo Đặng Đình M và Cao Văn L: Luật sư Đinh Anh T - Công ty luật TNHH B, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị hại:* bà Ngô Thị C sinh năm 1973; trú tại: nhà liền kề Sxxx, khu chức năng đô thị Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

Trong vụ án còn có 04 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị gồm: Nguyễn Thị C1, Nguyễn Đức H, Phan Hữu V và Lê Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyễn Thị C1 có quan hệ quen biết với bà Ngô Thị C nên từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 09 năm 2019, Nguyễn Thị C1 cùng con trai là Nguyễn Hải L đã chuyển cho bà C tổng cộng là 5.183.000.000 đồng với mục đích chung tiền để mua đất; tại các lần nhận tiền của C1, bà C đều ký nhận việc nhận tiền vào sổ của C1 tổng cộng là 4.265.000.000 đồng; anh Nguyễn Hải L chuyển vào tài khoản của bà C 04 lần tổng cộng là 918.000.000 đồng. Do không thấy bà C tìm mua được đất và cũng không trả lại tiền nên C1 và anh L đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng không được; tháng 09 năm 2021, C1 nhờ Nguyễn Đức H tìm thuê người để đòi nợ giúp C1.

Nguyễn Đức H lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm và thấy Công ty thu hồi nợ xấu Tuấn Tổng có đăng thông tin về việc thu hồi nợ cho các cá nhân, tổ chức; H gọi điện thoại vào số điện thoại của Công ty “*Tuấn Tổng*” thì Trịnh Văn

T nghe máy và hẹn gặp tại khu vực phía sau bến xe Nước Ngâm. Ngày 09/10/2021, H và C1 đến điểm hẹn thì gặp T, Mai Văn S và Hồ Sỹ L2 (*tên thường gọi: Lâm Trọc*). C1 trao đổi về việc cho bà C vay 5.183.000.000 đồng, có giấy tờ vay tiền, đã tìm được nơi ở của bà C và muốn nhờ đòi nợ giúp; S nhận lời, nói “*Cô phải ủy quyền cho cháu thì cháu mới làm*”, nêu phương án “*Cháu sẽ đến nhà người ta đợi đến khi trả thì mới về, cô phải hỗ trợ cháu chi phí ăn uống đi lại*”, C1 đồng ý các yêu cầu và phương án do S đưa ra. Ngày 12/10/2021, L2 cùng H và C1 ra Văn phòng công chứng Đ ký hợp đồng ủy quyền việc đòi nợ với nội dung: Nguyễn Thị C1 ủy quyền cho Mai Văn S đòi nợ bà Ngô Thị C về số tiền theo Giấy vay tiền giữa C1 và bà C; các bên không đề cập và thỏa thuận về tiền công do C1 phải trả cho S.

Khoảng 21 giờ ngày 13/10/2021, Mai Văn S và Hồ Sỹ L2 đến nhà bà Ngô Thị C để đòi nợ; khi biết bà C đang ở nhà, S gọi điện thoại và C1 đến, giao cho S giấy tờ vay nợ có chữ ký của bà C; S và L2 yêu cầu bà C trả nợ ngay 5.183.000.000 đồng nhưng bà C nói đã trả hết nợ rồi, chỉ còn nợ C1 là 116.000.000 đồng và 06 chỉ vàng. Thấy C1 đi cùng S và L2 nên bà C gọi điện thoại báo cáo Công an phường Đại Mỗ; vào hồi 21 giờ 30 phút ngày 13/10/2021, Công an phường Đại Mỗ đã lập Biên bản S việc, ngăn chặn và yêu cầu các bên (*bao gồm C, C1 và S*) phải giải quyết tranh chấp nợ nần theo đúng quy định của pháp luật.

Khoảng 02 giờ ngày 14/10/2021, S điều khiển xe ô tô đến nhà bà C; S và L2 đỗ xe chắn cửa nhà để không cho bà C ra khỏi nhà. S và L2 chỉ đạo các thanh niên do L2 đưa đến là Lê Minh Đ, Phan Hữu V, Cao Văn L, Đặng Đình M, Nguyễn Văn T2, Dương Đ Thuận và 02 đối tượng khác tên là Trê và Tiến “*Chều*” (*đều chưa xác định được nhân thân và lai lịch*) chia làm 02 ca ngày, đêm để trông giữ bà C liên tục 24/24 giờ; trong đó, ca ngày (*từ 08 giờ đến 19 giờ*) gồm có V, Đ, T2, S, H và đối tượng “*Trê*”; ca đêm (*từ 19 giờ hôm trước đến 08 giờ ngày hôm sau*) gồm có L2, M, L, Thuận và đối tượng Tiến “*Chều*”; nhiệm vụ của cả nhóm là ngăn cản không cho ai vào nhà bà C và không để bà C đi ra ngoài, nếu bà C đi ra thì giữ lại và yêu cầu phải trả tiền. Trong quá trình các đối tượng canh gác trước cửa nhà, bà C đã 03 lần xuống để đi ra ngoài nhưng đều bị ngăn cản, không cho ra. Trong khi trông giữ bà C, các đối tượng gọi cơm hộp đến ăn uống tại chỗ; khi có nhân viên giao đồ uống do bà C đặt thì S không cho bà C nhận mà lấy uống luôn; khi bà C đặt taxi để đi có việc thì S và đồng phạm đuổi taxi đi, không cho taxi đến đón bà C. Ngày 16/10/2021 (*để gây sức ép buộc bà C trả tiền*), S còn gửi ảnh bà C cho H và bảo H rửa ảnh bà C có in dòng chữ “*Lừa đảo chuyên nghiệp Ngô Thị C...*”; trưa cùng ngày, H đưa lại ảnh thì S và L2 dán lên tường nhà bà C và các nhà xung quanh; khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, L2 gọi từ điện thoại cho C1 yêu cầu đưa 20.000.000 đồng để chi phí ăn, đi lại cho cả nhóm và C1 đồng ý; L2 bảo H đến nhà C1 lấy 20.000.000 đồng rồi L2 chia cho các đối tượng đang trông giữ, mỗi đối tượng là 1.000.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 16/10/2021, khi bà C gọi điện thoại cho taxi đến đón để đi ra ngoài thì Mai Văn S giữ lại và yêu cầu giải quyết xong khoản nợ mới được đi; S ôm chân bà C rồi dùng tay trái xóc nách và giữ lại; Lê Minh Đ, Phan Hữu V và

Cao Văn L đứng xung quanh, che chắn không cho bà C đi ra ngoài. Tại thời điểm này, tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Công an phường Đại Mỗ đang tuần tra, kiểm soát trên địa bàn thì phát hiện sự việc, lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S, Đ, V và L về hành vi Giữ người trái pháp luật.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 17 giờ 25 phút 16/10/2021 xác định: hiện trường vụ việc xảy ra tại nhà liền kề SB14 khu chức năng đô thị Đại Mỗ, tổ dân phố Tháp, phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Nhà SB14 có cửa ra vào hướng Tây và hướng ra đường nội bộ khu đô thị, liền sát bên phải nhà SB14 nhìn từ ngoài đường vào là nhà SB13 và liền sát bên trái là nhà SB15, vỉa hè phía trước nhà rộng 1m20, trên vỉa hè phía giữa trước nhà SB14 có trồng 01 cây xanh, trên cành cây có treo 01 tấm băng rôn bằng vải, bề mặt trên có ghi hàng chữ cà phê Hồng Đô Trà, phía dưới có nhiều dòng chữ quảng cáo, giữa tấm băng rôn có in đề hình ảnh diện 0m20x0m30, trên hai hình ảnh đề nên này có ảnh một người phụ nữ và dòng chữ gia đình chúng tôi yêu cầu bà Ngô Thị C trốn trong nhà xuống để nói chuyện giải quyết dứt điểm số tiền mà chị đã lừa gia đình chúng tôi.

Phía dưới vỉa hè và dưới tấm băng rôn này là nhiều túi nilon màu trắng bên trong có để nhiều hộp nhựa màu xộp trắng hình vuông dùng để thức ăn và cốc nhựa mềm. Nhìn từ ngoài đường vào nhà SB14 được xây dựng 04 tầng, 01 tum, có mái nhọn ở giữa, tại lan can tầng 2 và tầng 3 phía trước ngôi nhà có biển quảng cáo Caphe Hồng Trà - Bất Động Sản.

Mở rộng hiện trường ra bề mặt ngoài trụ cổng nhà bên trái nhà SB14 và nhà liền kề bên phải nhà từ ngoài và là nhà SB13 có dán 01 tờ giấy diện 0m20x0m30 trên bề mặt có hình ảnh một khuôn mặt người phụ nữ và dòng chữ phía trên ảnh gia đình chúng tôi yêu cầu bà Ngô Thị C trốn trong nhà xuống để nói chuyện giải quyết dứt điểm số tiền mà chị đã lừa gia đình chúng tôi; phía dưới ảnh là dòng chữ lừa đảo chuyên nghiệp Ngô Thị C; trên bề mặt tường trụ tường chính, giữa nhà SB13 hướng ra đường có 02 tờ giấy cùng loại với tờ giấy có in ảnh mặt người phụ nữ nêu ở trên; bề mặt ngoài biển thể điện bằng kim loại sơn màu trắng diện 02m00x0m95 lắp đặt trên vỉa hè sát mép bên phải nhìn từ ngoài vào số nhà SB13 có dán 01 tờ giấy cùng loại và cùng nội dung với tờ giấy nêu ở trên; trên mặt ngoài tường nhà liền kề sát nhà SB14 là nhà SB15 có dán 01 tờ giấy có in chữ và ảnh mặt người phụ nữ cùng loại với các tờ giấy dán ở các nơi như đã nêu; trên mặt ngoài tường nhà đối diện với nhà SB15 có dán 01 tờ giấy có in mặt người phụ nữ và chữ viết giống và cùng loại với các tờ giấy nêu trên.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng, đồ vật và tài sản: thu giữ do Nguyễn Thị C1 giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng; thu giữ do Mai Văn S nộp: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng và 01 điện thoại OPPO màu đen; thu giữ do Lê Minh Đ nộp: 01 điện thoại di động Iphone màu hồng và 01 điện thoại di động Nokia 105; thu giữ do Phan Hữu V nộp: 01 điện thoại di động Nokia 2.2 màu đen và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh; thu giữ do Cao Văn L nộp: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng và 01 xe máy Honda Dream, biển kiểm soát 32-690-H4.

Thu giữ do vợ của Mai Văn S là chị Đặng Hoài Thu giao nộp: 01 giấy ủy quyền ngày 12/12/2021 và lời chứng của Công chứng viên tại Văn phòng công chứng Đông Đô do Nguyễn Thị C1 ủy quyền cho Mai Văn S (bản chính); 01 quyền vớ có dòng chữ “Summer” liên quan đến nội dung vay tiền giữa bà Ngô Thị C và Nguyễn Thị C1; 04 tờ giấy nộp tiền của ngân hàng Agribank (người nộp tiền là Nguyễn Hải L, người nhận tiền là Ngô Thị C); 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang tên Ngô Thị C.

Thu giữ do bà Ngô Thị C giao nộp: 01 đầu ghi dữ liệu Camera có nhãn hiệu @jhua màu đen thể hiện việc Nguyễn Thị C1, Mai Văn S, Nguyễn Đ H, Phan Hữu V, Lê Minh Đ, Cao Văn L và Đặng Đình M canh giữ bà Ngô Thị C tại nhà.

Tại Kết luận giám định số 6801 ngày 03/10/2022, Phòng Kỹ thuật hình S - Công an thành phố Hà Nội kết luận: xe máy HONDA DREAM, biển kiểm soát 32-690-H4, có số khung nguyên thủy: C1000M-0332786, số máy nguyên thủy: C1000ME-0332786. Không giám định biển kiểm soát: 32-690-H4 do không có mẫu so sánh.

Tại Kết luận giám định số 6916 ngày 06/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình S - Công an thành phố Hà Nội đối với số vay tiền kết luận:

1. Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A8, A10, A11) và chữ viết có nội dung: “*tiền L cầm xe đi cầm ngân hàng được 560 đưa vào chung đất 500 còn 60 triệu L tiêu luôn*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1); “*tiền vàng của mẹ: 15 cây... mẹ sẽ hứa với L*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3); “*Cầm đất chưa chia nhau*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A4); “*Ngày 6/12/2018... Hà Nội ngày 6/12/2018*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A9); “*Tổng hợp số tiền vay trong sổ... nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A12) với chữ viết đúng tên Nguyễn Thị C1 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ng~ Thị C1 (Nguyễn Thị C1) dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3, A5, từ A7 đến A12); chữ ký, chữ viết tên C1 dưới chữ ký trên xác mẫu cần giám định (ký hiệu A4, A6) với chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Thị C1 trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ngô Thị C dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1, A2, từ A4 đến A10, A12) với chữ ký, chữ viết đúng tên Ngô Thị C trên các mẫu so sánh (ký hiệu M4, M5) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận: chữ viết dòng họ tên Ngô Thị C trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A3) và chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ngô Thị C dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A11) với chữ ký, chữ viết đúng tên Ngô Thị C trên các mẫu so sánh (ký hiệu M4, M5) có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra không.

Tại Bản án số 233/2023/HS-ST ngày 12-6-2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình S; xử phạt bị cáo Mai Văn S 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 08 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Mai Văn S chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16-10-2021.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình S; xử phạt bị cáo Đặng Đình M 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 07 năm 06 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Đình M chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 26-10-2022.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình S; xử phạt Cao Văn L 21 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 07 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Cao Văn L chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 năm 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 16-10-2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác (trong đó bị cáo Nguyễn Thị C1 bị kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” và 08 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”); việc xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22-6-2023, bị cáo Mai Văn S kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 26-6-2023, bị cáo Đặng Đình M kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 19-6-2023, bị cáo Cao Văn L kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo S và L thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị xem xét giảm hình phạt.

Bị cáo Đặng Đình M cho rằng không có mặt tại nhà bà C, không có hành vi giữ, ép buộc bà C trả nợ; tuy nhiên, bị cáo đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Mai Văn S, Đặng Đình M và Cao Văn L về các tội “Giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản” là có căn cứ, không oan. Trong vụ án này, các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản, về cơ bản các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, cần nhắc vai trò, mức độ phạm tội của

từng bị cáo, xét thấy mức hình phạt đối với các bị cáo S và M có phần nghiêm khắc, có thể giảm hình phạt cho các bị cáo này.

Đối với bị cáo Cao Văn L mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo L.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Trong quá trình xử lý vụ án, các bị cáo Nguyễn Thị C1, Mai Văn S, Nguyễn Đ H, Cao Văn L, Phan Hữu V và Lê Minh Đ đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo; riêng Đặng Đình M không nhận hành vi phạm tội, nhưng bị cáo xác nhận có tham gia nhóm “*Chat Messenger*” với tên là “*Đặng Đình M*” để nhắn tin nhưng không có mặt tại khu vực nhà bà Ngô Thị C để giữ người bị hại; tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị C1; lời khai và nhận dạng ảnh của các bị cáo Mai Văn S, Phan Hữu V và Lê Minh Đ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 09 năm 2019, Nguyễn Thị C1 và anh Nguyễn Hải L (*con trai của C1*) đã giao cho bà Ngô Thị C vay tổng cộng là 5.183.000.000 đồng; do nhiều lần đòi nợ không được nên ngày 09/10/2021, C1 nhờ Nguyễn Đ H liên hệ và thuê nhóm của Mai Văn S đòi nợ đối với bà C; S đã chỉ đạo Lê Minh Đ, Phan Hữu V, Cao Văn L, Đặng Đình M, Nguyễn Đ H và các đồng phạm khác giữ bà Ngô Thị C trong nhà, không cho ra ngoài từ ngày 14/10/2021 đến ngày 16/10/2021 nhằm ép buộc bà C phải trả nợ là 5.183.000.000 đồng; S chỉ đạo các đồng phạm chia làm 02 ca ngày, đêm trông giữ bà C 24/24 giờ; ca sáng (*từ 08 giờ đến 19 giờ*) gồm có V, Đ, S, H và các đối tượng khác; ca tối (*từ 19 giờ ngày hôm trước đến 08 giờ sáng ngày hôm sau*) gồm có M, L và các đối tượng khác. Ngày 16/10/2021, S còn gửi ảnh bà C cho H để H rửa ảnh bà C và có in dòng chữ “*lừa đảo chuyên nghiệp Ngô Thị C...*” rồi dán lên tường nhà bà C và các nhà xung quanh; khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, Hồ Sỹ L2 gọi điện cho C1 yêu cầu đưa 20.000.000 đồng để chi phí ăn và bồi dưỡng cho cả nhóm rồi L2 bảo H đến nhà C1 lấy 20.000.000 đồng, mua đồ ăn và chia cho mỗi đối tượng đang trông giữ là 1.000.000 đồng. Khoảng 16 giờ ngày 16/10/2021, khi bà Ngô Thị C gọi điện thoại cho taxi đến đón để đi ra ngoài thì Mai Văn S giữ bà C lại, yêu cầu giải quyết xong khoản nợ mới được đi; S ôm chân bà C rồi dùng tay trái xóc nách giữ lại; Lê Minh Đ, Phan Hữu V và Cao Văn L đứng xung quanh che chắn không cho bà C ra ngoài. Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo, trong đó có Mai Văn S, Đặng Đình M và Cao Văn L về các tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình S và “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật hình S là có căn cứ, không oan.

Xem xét kháng cáo của các bị cáo, xét thấy:

- Đối với bị cáo Mai Văn S: trong vụ án này, Nguyễn Thị C1 là đối tượng chủ mưu, thuê các bị cáo khác thực hiện tội phạm, nên vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo là cao nhất. Bị cáo Mai Văn S có hành vi tổ chức, phân ca trực và phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác, trực tiếp điều hành các bị cáo thực hiện tội phạm, bị cáo Mai Văn S có vai trò thứ hai sau bị cáo C1. Sau khi phạm tội, bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, thiệt hại vật chất của vụ án chưa xảy ra, bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo. Xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 10 năm 06 tháng tù về hai tội (bằng mức hình phạt đối với bị cáo C1) là nghiêm khắc, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị của kiểm sát viên và ý kiến của luật sư giảm hình phạt cho bị cáo đối với hai tội.

- Đối với Đặng Đình M: bị cáo M có hành vi canh giữ, ép buộc bị hại trả tiền nợ theo S phân công của bị cáo S, bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, có vai trò, mức độ phạm tội thấp hơn bị cáo C1; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng; thiệt hại vật chất của vụ án chưa xảy ra; bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ, nhưng kết án bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” (bằng mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C1) là nghiêm khắc; do đó, có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo về tội này.

- Đối với Cao Văn L: đã có hành vi canh giữ bị hại, ép buộc bị hại trả nợ; bị cáo canh giữ bị hại theo ca theo S phân công của các bị cáo khác, bị cáo phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác tại Trung đoàn Cảnh sát cơ động Hà Nội; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án và nhân thân của bị cáo kết án bị cáo 08 năm 09 tháng tù về hai tội là đúng pháp luật. Không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: các bị cáo S và M không phải nộp án phí phúc thẩm. Bị cáo L phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa Bản án số 233/2023/HS-ST ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Mai Văn S 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”; 07 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; tổng hợp

hình phạt buộc bị cáo Mai Văn S chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 16-10-2021.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Đình M 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 07 năm 06 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Đình M chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 26-10-2022.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 4 Điều 170; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt Cao Văn L 21 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 07 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Cao Văn L chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 năm 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 16-10-2021.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bị cáo Cao Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Công an tp. Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tp. Hà Nội
(04 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Cục T.H.A DS tp. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam